

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-ST

Ngày: 21-6-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Thuận

Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phước là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Bùi Kim Châu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXX-DS ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thùy D, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm 2, thôn PA, xã TX, huyện TS, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của bà Đặng Thị Thùy D: Bà Nguyễn Lê Nhật H, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Khôi 5, thị trấn PP, huyện TS, tỉnh Bình Định (có mặt).

- Bị đơn: Ông Võ Xuân Q, sinh năm 1979 (có đơn xin xử vắng mặt).

Bà Ngô Thị Ánh T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Xóm 1, thôn TG1, xã TG, huyện TS, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 6 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Lê Nhật H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đặng Thị Thùy D trình bày:

Giữa bà D và vợ chồng bà Ngô Thị Ánh T, ông Võ Xuân Q là chỗ quen biết nên vào ngày 06/8/2020 bà D có cho vợ chồng bà T, ông Q vay số tiền 40.000.000 đồng, không có lãi suất và không có thời hạn trả, vợ chồng bà T, ông Q có ký hợp đồng mượn tiền, mục đích vay làm ăn, hai bên có thỏa thuận khi nào bà D yêu cầu trả nợ thì sẽ thông báo trước trong vòng 01 tháng để vợ chồng bà T, ông Q sắp xếp trả nợ. Sau khi vay khoảng 01 tháng thì bà D yêu cầu vợ chồng bà T, ông Q phải trả tiền, tuy nhiên vợ chồng bà T, ông Q không trả hứa hẹn đủ điều, đến khoảng tháng 02 và 03 năm 2022 vợ chồng bà T, ông Q có trả cho bà D 5.000.000 đồng, còn nợ lại 35.000.000 đồng, bà D đã đòi nhiều lần nhưng từ đó đến nay vợ chồng bà T, ông Q chưa trả nợ cho bà D. Nay bà D khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T, ông Q có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền 35.000.000 đồng một lần và không yêu cầu tính lãi suất. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của bà D có thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà T trả nợ mà chỉ yêu cầu một mình ông Q có nghĩa vụ trả nợ cho bà D số tiền 17.500.000 đồng, vì quá trình Tòa án giải quyết thì bà T đã trả nợ phần bà T $\frac{1}{2}$ số tiền 17.500.000 đồng cho bà D theo giấy giao nhận tiền ngày 07/6/2023. Ngoài ra không yêu cầu gì nữa.

Tại biên bản lấy lời khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Xuân Q trình bày:

Ông thừa nhận có vay của bà Đặng Thị Thùy D số tiền là 40.000.000 đồng để làm ăn theo hợp đồng mượn tiền ngày 06/8/2020 thông qua ông T là chồng của bà D, việc vay nợ thực tế chỉ có một mình ông chứ vợ ông bà Ngô Thị Ánh T không đứng ra vay nên không biết khoản nợ này, ông có nói vợ ông là bà Ngô Thị Ánh T ký tên vào hợp đồng mượn tiền, khi vay số tiền 40.000.000 đồng hai bên không có thỏa thuận lãi suất hay thời hạn trả nợ gì cả, quá trình vay ông có trả cho bà D 2.000.000 đồng vào đầu năm 2022 và đến tháng 9-10/2022 có trả thêm 3.000.000 đồng nên còn nợ bà D số tiền 35.000.000 đồng, nhưng quá trình Tòa án giải quyết vợ ông bà T đã trả phần của bà T $\frac{1}{2}$ khoản nợ của số tiền 35.000.000 đồng là số tiền 17.500.000 đồng cho bà D vào ngày 07/6/2023 có giấy giao nhận tiền. Nay ông thống nhất phần của ông còn nợ bà D số tiền 17.500.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn bà Ngô Thị Ánh T đã được Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý án án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, bà Ngô Thị Ánh T không đến Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn bà Ngô Thị Ánh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, ông Võ Xuân Q có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238, 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà T, ông Q. Căn cứ Điều

244 Bộ luật tố tụng Dân sự; Đình chỉ xét xử đối với khởi kiện về việc vay tài sản giữa nguyên đơn bà Đặng Thị Thùy D với bị đơn bà Ngô Thị Ánh T. Về việc giải quyết vụ án đề nghị: Căn cứ Điều 357, 463, 466, 469 BLDS năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thùy D; Buộc ông Võ Xuân Q phải trả nợ cho bà Đặng Thị Thùy D số tiền 17.500.000 đồng; ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu tính lãi suất. Về án phí áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Ngô Thị Ánh T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, bị đơn ông Võ Xuân Q có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Lê Nhật H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đặng Thị Thùy D xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc vay tài sản đối với bị đơn bà Ngô Thị Ánh T, bà D không yêu cầu bà T trả nợ cho bà D số tiền 17.500.000 đồng. Xét thấy, ý kiến của nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên HĐXX áp dụng Điều 244 BLTDS chấp nhận để đình chỉ đối với yêu cầu trên.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Vào ngày 06/8/2020 bà Đặng Thị Thùy D có cho vợ chồng ông Võ Xuân Q, bà Ngô Thị Ánh T vay số tiền 40.000.000 đồng, vợ chồng ông Q, bà T có ký giấy nợ cho bà D, mục đích vay để làm ăn, vay không có lãi, không có thời hạn, hai bên có thỏa thuận khi nào bên cho vay cần thì báo trước 01 tháng cho bên vay được biết. Sau khi vay khoảng 01 tháng thì bà D yêu cầu vợ chồng bà T, ông Q phải trả tiền nhưng vợ chồng bà T, ông Q không trả. Đến khoảng tháng 02-03 năm 2022 vợ chồng bà T, ông Q có trả cho bà D 2.000.000 đồng và sau khi có đơn khởi kiện khoảng tháng 9-10 năm 2022 ông Q trả thêm 3.000.000 đồng, còn nợ lại 35.000.000 đồng. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì ngày 07/6/2023 bà T đã trả cho bà D 17.500.000 đồng của ½ số nợ 35.000.000 đồng là của phần bà nợ bà D nên còn lại 17.500.000 đồng là phần nợ của ông Q, ông Q phải có trách nhiệm trả cho bà D.

[2.2] Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà D và ông Q, bà T được xác lập ngày 06/8/2020 số tiền vay là 40.000.000 đồng là hợp đồng vay không có kỳ hạn và không có lãi được quy định tại Điều 469 BLDS năm 2015. Hai bên đều công nhận hợp đồng vay trên nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi vay thì vợ chồng ông Q đã trả cho bà T 5.000.000 đồng và ngày 07/6/2023 bà T đã trả 17.500.000 đồng nên chỉ còn nợ 17.500.000 đồng, bà D yêu cầu ông Q trả nợ cho bà số tiền 17.500.000 đồng và đồng ý cho ông Q trả nợ dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian trả từ tháng

6/2023 cho đến khi hết nợ. Do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, buộc ông Q phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà D số tiền 17.500.000 đồng, thời gian trả từ tháng 6/2023 đến tháng 10/2023 mỗi tháng trả 3.000.000 đồng và tháng 11/2023 trả 2.500.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về lãi suất: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện ủy quyền của bà D là bà H không yêu cầu tính tiền lãi suất của khoản vay 17.500.000 đồng mà chỉ yêu cầu ông Q trả số nợ 17.500.000 đồng, nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D được HĐXX chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, bị đơn ông Võ Xuân Q phải chịu 875.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả 950.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho bà Đặng Thị Thùy D nộp theo biên lai thu số 0007503 ngày 31/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

[4] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về việc vay tài sản giữa nguyên đơn bà Đặng Thị Thùy D với bị đơn bà Ngô Thị Ánh T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Thùy D về việc vay tài sản đối với bị đơn ông Võ Xuân Q.

3. Buộc ông Võ Xuân Q phải có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị Thùy D số tiền 17.500.000 (Mười bảy triệu năm trăm nghìn) đồng. Thời gian trả từ tháng 6/2023 đến tháng 10/2023 mỗi tháng trả 3.000.000 đồng và tháng 11/2023 trả 2.500.000 đồng.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà D không yêu cầu tính lãi suất.

4. Về án phí: Ông Võ Xuân Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 875.000 (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Hoàn trả cho bà Đặng Thị Thùy D 950.000 (Chín trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007503 ngày 31/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Về quyền nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lê Thị Minh Trí

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

